

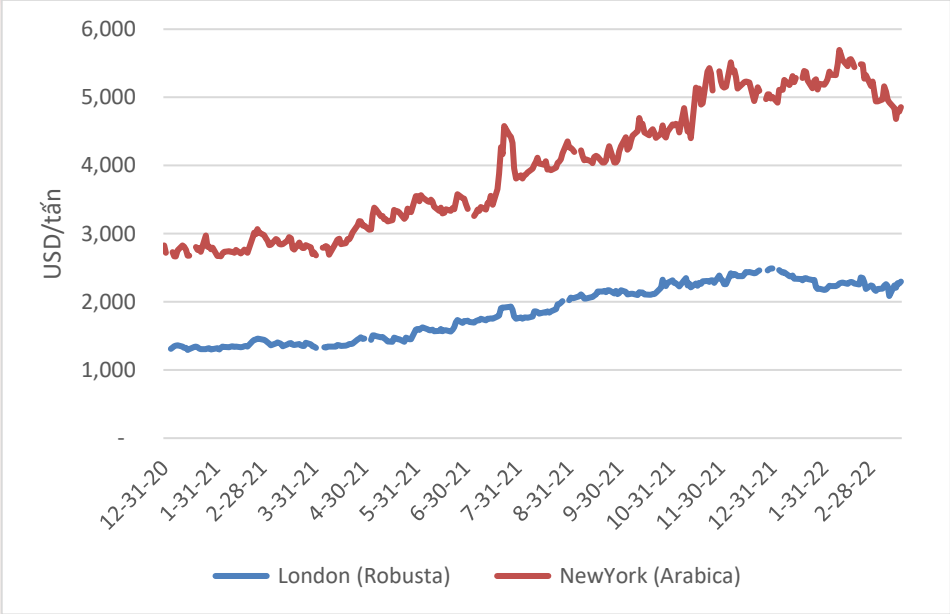
Tuần 11
(14.03.2022 – 18.03.2022)

BẢN TIN TUẦN CÀ PHÊ

ĐIỂM TIN

- Giá cà phê Robusta kỳ hạn T5/2022 tăng 2,47% so với tuần trước lên mức bình quân 2.257 USD/tấn.
- Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 5/2022 giảm 4,44% so với mức giá tuần trước xuống mức bình quân 4.798 USD/tấn.
- Mùa thu hái năm nay, cà phê Brazil vào chu kỳ được mùa, robusta thu hoạch vào tháng 4/2022 và arabica bắt đầu từ tháng 7/2022.
- Xuất khẩu cà phê robusta của Indonesia trong tháng 2 chỉ đạt 150.458 bao, giảm tới 54,18% so với cùng kỳ năm trước.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE. www.theice.com

Thị trường London kỳ hạn tháng 5/2022 diễn biến tăng nhẹ trong tuần. Giá cà phê Robusta trung bình đạt 2.257 USD/tấn, tăng 2,47% so với tuần trước, và tăng 63,57% so với cùng kỳ năm 2021. Giá cao nhất trong tuần đạt 2.295 USD/tấn, giá thấp nhất là 2.206 USD/tấn.

Thị trường New York kỳ hạn tháng 5/2022 diễn biến giảm trong tuần. Giá cà phê Arabica bình quân đạt 4.798 USD/tấn, giảm 4,44% so với mức giá tuần trước và tăng 67,42% so với cùng kỳ năm 2021. Giá cao nhất trong tuần đạt 4.857 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 4.680 USD/tấn.

Cơ quan Phát triển Cà phê Uganda UCDA đã báo cáo rằng xuất khẩu cà phê của nước này trong tháng 2 là 115.246 bao hoặc thấp hơn 20,43% so với cùng tháng năm ngoái, với tổng số 448.957 bao. Xuất khẩu cà phê Robusta của Uganda giảm 29,91% so với cùng kỳ năm ngoái, xuống tổng cộng 351.944 bao và xuất khẩu cà phê arabica tăng 56,28% lên tổng số 97.013 bao xuất khẩu trong tháng 2 năm nay. Cũng theo báo cáo của UCDA, xuất khẩu cà phê luỹ kế 5 tháng đầu của niên vụ cà phê hiện tại từ tháng 10 năm 2021 đến tháng 9 năm 2022 là 110.873 bao hay cao hơn 4,85% so với cùng kỳ năm trước với tổng số là 2.398.637 bao.

Mùa thu hái năm nay, cà phê Brazil vào chu kỳ được mùa, robusta thu hoạch vào tháng 4/2022 và arabica bắt đầu từ tháng 7/2022. Tình hình khô hanh hiện nay tại một số nước Nam Mỹ cho phép đoán rằng, cà phê có thể chín sớm hơn.

Hiệp hội các nhà xuất khẩu cà phê (Cecafé) tại Brazil đã báo cáo xuất khẩu cà phê nhân trong tháng 2 đạt 3,15 triệu bao, giảm 14,30% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu cà phê arabica natural giảm 10,15 % và xuất khẩu cà phê conilon robusta giảm mạnh tới 58,62% so với cùng kỳ.

Trong khi đó, dữ liệu thương mại của chính phủ Indonesia cho thấy xuất khẩu cà phê robusta của quần đảo này trong tháng 2 chỉ đạt 150.458 bao, giảm tới 54,18% so với cùng kỳ năm trước. Do đó, lũy kế xuất khẩu cà phê robusta của Indonesia trong 5 tháng đầu tiên của niên vụ cà phê hiện tại 2021/2022 chỉ đạt tổng cộng 1.314.415 bao, giảm 30,67% so với cùng kỳ niên vụ trước.

Theo dự báo của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) tiêu thụ cà phê toàn cầu vụ 2021/2022 sẽ tăng khoảng 1,5 triệu bao lên 165 triệu bao, với mức tăng chủ yếu tại thị trường EU,Mỹ và Brazil. Các nền kinh tế lớn trên thế giới phục hồi hậu đại dịch Covid-19 giúp thúc đẩy tiêu thụ cà phê trở lại. Xu hướng tiêu thụ cà phê hòa tan gia tăng giúp tăng lợi thế cho cà phê robusta của Việt Nam - nguyên liệu được sử dụng trong chế biến cà phê hòa tan. Việt Nam hiện là quốc gia xuất khẩu cà phê Robusta lớn nhất thế giới.

Về thị trường cà phê, xuất khẩu cà phê đã rang trong 4 tháng đầu niên vụ 2021 - 2022 tăng mạnh 18,8%, lên 282.000 bao so với 238.000 bao cùng kỳ niên vụ trước. Tương tự, xuất khẩu cà phê hòa tan tăng 11,5%, lên mức 4,2 triệu bao so với 3,8 triệu bao của niên vụ trước.

Với diễn biến này, tỷ trọng cà phê nhân xanh trong tổng xuất khẩu cà phê toàn cầu đã giảm 0,7 điểm phần trăm, trong khi tỷ trọng xuất khẩu cà phê đã rang tăng 0,1 điểm phần trăm và cà phê hòa tan tăng 1,1 điểm phần trăm. Đây là sự tiếp nối xu hướng giảm tỷ trọng hạt cà phê xanh trong tổng xuất khẩu cà phê toàn cầu trong những năm gần đây.

Kể từ niên vụ cà phê 2010 - 2011 đến niên vụ 2020 - 2021, tỷ trọng hạt cà phê xanh đã giảm từ 92% xuống 90,6%. Tỷ trọng hạt cà phê xanh giảm là do sự gia tăng các lô hàng cà phê hòa tan, với tỷ trọng cà phê hòa tan trong tổng kim ngạch xuất khẩu tăng từ 7,8% lên 8,8% trong cùng giai đoạn.

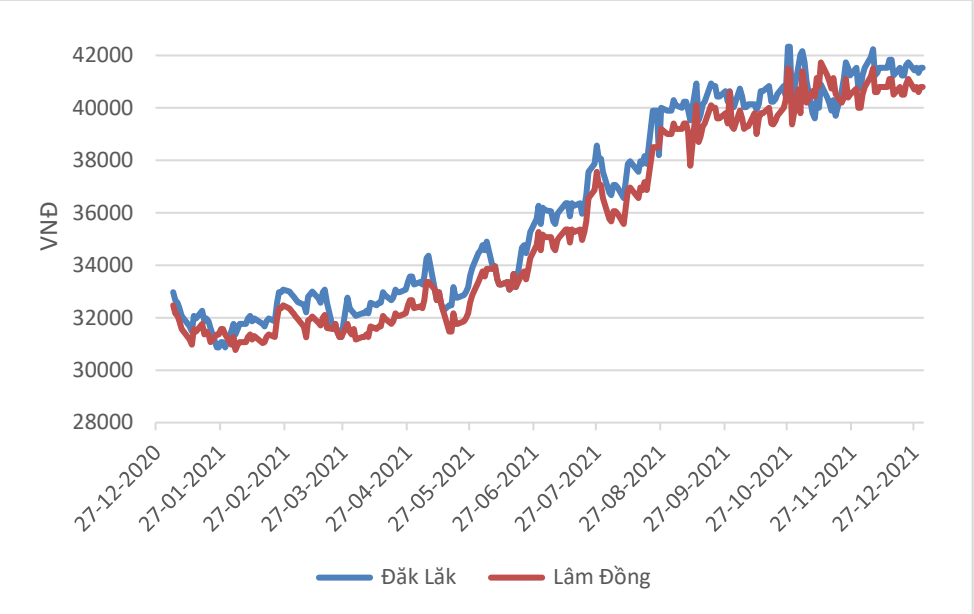
Về thị trường cung cấp, Brazil vẫn là nước xuất khẩu cà phê lớn nhất thế giới trong 4 tháng đầu niên vụ 2021 – 2022, chiếm đến 32% tổng xuất khẩu cà phê toàn cầu. Tuy nhiên, so với niên vụ trước xuất khẩu cà phê của Brazil đã giảm mạnh 4 triệu bao, tương ứng với mức giảm lên tới 22,9% từ 17,3 triệu bao xuống còn 13,4 triệu bao.

Xuất khẩu cà phê của một quốc gia Nam Mỹ khác là Colombia, nước xuất khẩu cà phê lớn thứ 3 thế giới cũng giảm 7,1% trong giai đoạn từ tháng 10 năm ngoái đến tháng 1 năm nay, xuống còn 4,4 triệu bao.

ĐIỂM TIN

- Giá cà phê Robusta trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên tăng hơn 600 đồng/kg. Giá trung bình tại Đắk Lắk là 40.913 đồng/ kg. Giá trung bình tại Lâm Đồng là 40.380 đồng/kg.
- Cà phê giao ngay tại cảng Sài Gòn tăng 1,89% so với tuần lên mức 2.171 USD/tấn.
- Xuất khẩu cà phê của Việt Nam tăng vọt 17,5% trong 4 tháng đầu niên vụ 2021 - 2022, lên mức hơn 9,2 triệu bao so với 7,9 triệu bao của cùng kỳ niên vụ trước. Việt Nam hiện đang đứng thứ 2 về xuất khẩu cà phê toàn cầu với thị phần chiếm 22%.
- Tính chung 2 tháng đầu năm 2022 xuất khẩu cà phê của cả nước đạt 370.874 tấn, thu về trên 823,11 triệu USD, giá trung bình đạt 2.219,4 USD/tấn; tăng mạnh 30,9% về khối lượng, tăng 65,8% về kim ngạch và tăng 26,7% về giá so với cùng kỳ năm 2021.

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



Nguồn: CTV AgroInfo

Giá cà phê trung bình trong nước tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này diễn biến tăng so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê Robusta bình quân trong tuần đạt 40.913 đồng/kg, tăng 1,56% so với tuần trước và tăng 24,81% so với cùng kỳ năm 2021. Tại Lâm Đồng, giá cà phê Robusta tăng 1,56% so với tuần trước, lên mức bình quân 40.380 đồng/kg và tăng 26,82% so với cùng kỳ năm 2021.

Giá cà phê xuất khẩu giao ngay (FOB) tại cảng Sài Gòn tuần này đạt 2.170,6 USD/tấn, tăng 1,89% so với tuần trước.

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam tăng vọt 17,5% trong 4 tháng đầu niên vụ 2021 - 2022, lên mức hơn 9,2 triệu bao so với 7,9 triệu bao của cùng kỳ niên vụ trước. Việt Nam hiện đang đứng thứ 2 về xuất khẩu cà phê toàn cầu với thị phần chiếm 22%.

Theo thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu cà phê ra thị trường nước ngoài tháng 2/2022 giảm 14,7% về lượng, giảm 13,3% về kim ngạch so với tháng 1/2022, tuy nhiên giá tăng nhẹ 1,6%, đạt 139.371 tấn, tương đương 321,32 triệu USD, giá trung bình 2.305,5 USD/tấn. So với tháng 2/2021 thì tăng 13,5% về lượng, tăng 48,8% kim ngạch và tăng 31% về giá,.

Tính chung 2 tháng đầu năm 2022 xuất khẩu cà phê của cả nước đạt 370.874 tấn, thu về trên 823,11 triệu USD, giá trung bình đạt 2.219,4 USD/tấn; tăng mạnh 30,9% về khối lượng, tăng 65,8% về kim ngạch và tăng 26,7% về giá so với cùng kỳ năm 2021.

Đức là thị trường tiêu thụ nhiều nhất các loại cà phê của Việt Nam, chiếm gần 13% trong tổng lượng và tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của cả nước, đạt 47.173 tấn, tương đương 104,39 triệu USD, giá trung bình 2.212,9 USD/tấn, tăng 16,6% về lượng, tăng 49,4% về kim ngạch và tăng 28% về giá so với 2 tháng đầu năm 2021.

Đáng chú ý xuất khẩu cà phê sang thị trường Bỉ đứng thứ 2 về kim ngạch, trong 2 tháng đầu năm 2022 tăng mạnh 451,8% về lượng, tăng 587,8% về kim ngạch và tăng 24,7% về giá so với cùng kỳ năm 2021, đạt 36.632 tấn, tương đương 73,6 triệu USD, giá trung bình 2.009 USD/tấn; chiếm gần 10% trong tổng lượng và tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của cả nước.

Tiếp sau đó là xuất khẩu cà phê sang thị trường Italia đứng thứ 3 về kim ngạch; trong 2 tháng năm 2022 xuất khẩu giảm nhẹ 0,5% khối lượng nhưng tăng mạnh trên 30% cả về kim ngạch và về giá so với cùng kỳ năm 2021, đạt 24.773 tấn, tương đương trên 54,36 triệu USD, giá 2.194,5 USD/tấn; chiếm gần 7% trong tổng lượng và tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của cả nước.

Theo Ban Quản lý Dự án VnSAT Lâm Đồng, từ 2016 đến nay, các ngân hàng thương mại như Agribank, SHB, Sacombank, Techcombank… đã giải ngân 1.379 khoản vay (hộ) với số tiền 614 tỷ đồng để hỗ trợ nông dân tái canh khoảng 3.285ha cà phê.

Định mức cho vay cao, khoảng 270 triệu đồng/ha đối với mô hình tái canh trồng mới, 180 triệu/ha đối với ghép cải tạo. Trường hợp đầu tư hệ thống tưới nước tiết kiệm, mức cho vay tối đa lên đến 400 triệu/ha. Thời gian khoản vay dài hạn lên đến 9 năm, ân hạn 4 năm (chưa trả gốc). Lãi suất vay không quá 7% năm, riêng năm 2016 và 2017 là 6,5% năm, đặc biệt là quy định giải ngân 1 lần cho khoản vay… đã tạo điều kiện cho nông dân sử dụng đồng vốn linh hoạt, tái canh ngay với quy mô trên dưới 1 ha/hộ thay vì chỉ tái canh một phần diện tích nhỏ lẻ và áp dụng biện pháp tái canh bền vững của dự án VnSAT.

Theo Cục Bảo vệ thực vật, tình hình nhiễm bệnh trên cây cà phê tính đến 18/03 như sau: (i) Bệnh khô cành: Diện tích nhiễm 7.724 ha (giảm 719 ha so với kỳ trước, tăng 6.550 ha so CKNT), nhiễm nặng 01 ha; đã phòng trừ trong kỳ 8.257 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Gia Lai, Đăk Lak, Lâm Đồng, Khánh Hòa, Điện Biên, Bình Phước, Đồng Nai,… (ii) Bệnh gỉ sắt: Diện tích nhiễm 7.782 ha (giảm 119 ha so với kỳ trước, tăng 6.854 ha so CKNT), diện tích nhiễm nặng 3 ha; đã phòng trừ trong kỳ 15.198 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh: Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Bình Phước, Đồng Nai, Điện Biên,Khánh Hòa…

Nguồn tham khảo:

1. https://www.theice.com/index
2. https:// www.iandmsmith.com/
3. https://www.comunicaffe.com
4. CTV và trang tin Tin Tây Nguyên
5. https://giacaphe.com
6. https://www.comunicaffe.com/
7. https://baoquocte.vn/gia-ca-phe-hom-nay-163-gia-ca-phe-dong-loat-giam-manh-robusta-cua-viet-nam-dang-giu-loi-the-176990.html
8. https://vinanet.vn/thuong-mai-cha/xuat-khau-ca-phe-2-thang-dau-nam-2022-tang-658-kim-ngach-755280.html
9. https://nongnghiep.vn/linh-hoat-von-vay-giup-nong-dan-tai-canh-ca-phe-d318240.html

Giá cà phê nhân xô

Đơn vị: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	**40,200**	**40,400**	**40,000**	**40,500**	**40,800**	**40,380**	**620**
Bảo Lộc	40,200	40,400	40,000	40,500	40,800	40,380	620
Di Linh	40,200	40,400	40,000	40,500	40,800	40,380	620
Lâm Hà	40,200	40,400	40,000	40,500	40,800	40,380	620
ĐẮK LẮK	**40,733**	**40,933**	**40,533**	**41,033**	**41,333**	**40,913**	**627**
Cư M'gar	40,800	41,000	40,600	41,100	41,400	40,980	640
Ea H'leo	40,700	40,900	40,500	41,000	41,300	40,880	620
Buôn Hồ	40,700	40,900	40,500	41,000	41,300	40,880	620
GIA LAI	**40,633**	**40,833**	**40,433**	**40,933**	**41,233**	**40,813**	**633**
Pleiku	40,600	40,800	40,400	40,900	41,200	40,780	620
Chư Prông	40,700	40,900	40,500	41,000	41,300	40,880	660
La Grai	40,600	40,800	40,400	40,900	41,200	40,780	620
ĐẮK NÔNG	**40,650**	**40,850**	**40,450**	**40,950**	**41,250**	**40,830**	**620**
Đắk R'lấp	40,600	40,800	40,400	40,900	41,200	40,780	620
Gia Nghĩa	40,700	40,900	40,500	41,000	41,300	40,880	620
KON TUM	**40,700**	**40,900**	**40,500**	**41,000**	**41,300**	**40,880**	**620**
Đắk Hà	40,700	40,900	40,500	41,000	41,300	40,880	620
HỒ CHÍ MINH (USD/tấn)	**2,150**	**2,170**	**2,136**	**2,203**	**2,194**	**2,171**	**40**

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com





Bản tin được thực hiện bởi AGROINFO

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn